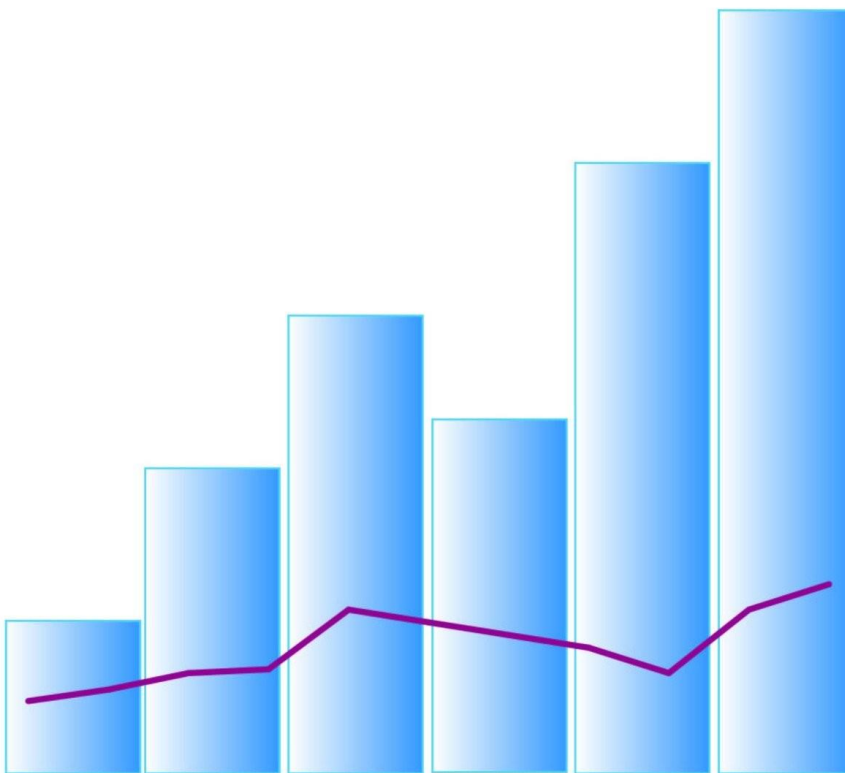




TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ YÊN

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



Phú Yên, 6/2024

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU

Ước tính tháng 6 và 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

■ tháng 6/2024 so tháng 6/2023 □ 6 tháng 2024 so 6 tháng 2023

Chỉ số sản xuất công nghiệp



6,1% ↑

7,7% ↑

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN



↓ 12,8%



↓ 17,7%

Tổng mức bán lẻ hàng hóa



9,3% ↑

10,2% ↑

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống



8,6% ↑

11,1% ↑

Chỉ số giá tiêu dùng



4,82% ↑

3,30% ↑

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải



11% ↑

10,2% ↑

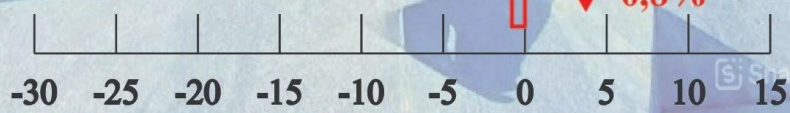
Tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt



↓ 30%



↓ 0,8%



SheoEdit

Số: /BC-CTK

Phú Yên, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024

Tại thời điểm tháng 6/2024, dự báo tăng trưởng toàn cầu của các tổ chức quốc tế như: UN dự báo (tăng 2,7%), WB (tăng 2,6%), OECD (tăng 3,1%), EU (tăng 3,2%) và IMF (tăng 3,2%); các tổ chức này đều nâng triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 từ 0,1 đến 0,3 điểm phần trăm so với các dự báo đưa ra trước đó. Theo báo cáo “Triển vọng phát triển châu Á” của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á (bao gồm Timo-Leste) dự báo đạt 4,6% trong năm 2024 do nhu cầu nội địa mạnh mẽ và du lịch tiếp tục phục hồi.

Trong nước, tăng trưởng kinh tế tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra sôi động hơn thúc đẩy trên cả 03 khu vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo; các lĩnh vực văn hóa, xã hội được đẩy mạnh; công tác an sinh xã hội, việc làm và sinh kế cho người dân được quan tâm, thực hiện hiệu quả, tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực. Theo ABD tăng trưởng của Việt Nam và Phi-li-pin năm 2024 được dự báo cao nhất khu vực Đông Nam Á, cùng đạt 6,0%.

Trên địa bàn tỉnh, để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương theo chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững” cùng sự đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh diễn ra trong bối cảnh tương đối thuận lợi, các hoạt động kinh tế ổn định và tăng trưởng, một số lĩnh vực đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ như: Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 34,3%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,3%; tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh tăng 57,8%; tổng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước; an sinh xã hội được đảm bảo; quốc phòng, an ninh được tăng cường, ổn định. Dự ước tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

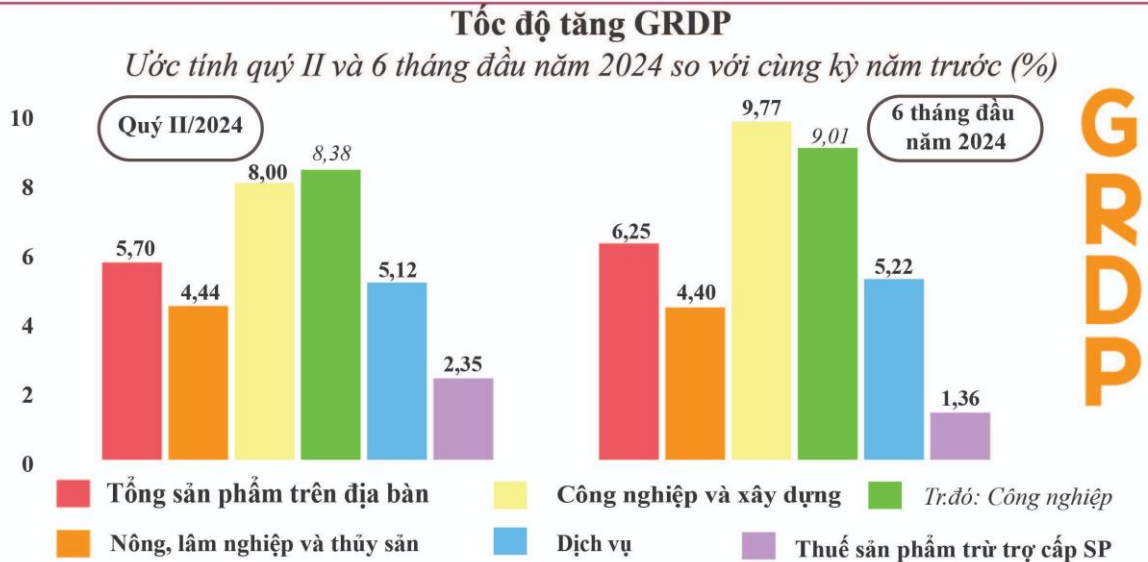
I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh năm 2010 ước tính 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,25%⁽¹⁾ (nếu loại trừ công trình đường bộ cao tốc Bắc

¹ Tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước của một số tỉnh như: Khánh Hòa 12,73%; Thanh Hóa 11,49%; Ninh Thuận tăng 8,07%; Bình Định 7,6%; Hà Tĩnh 7,6%; Bình Thuận 7,1%; Nghệ An 6,76%; Quảng Bình 6,5%; Thừa Thiên - Huế 6,01%; Quảng Trị 5,02%; Đà Nẵng 5,0%; Quảng Ngãi 3,71% và Quảng Nam giảm 2,68%.

- Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 qua tỉnh Phú Yên thì GRDP tăng 4,49% so với cùng kỳ năm trước, xếp vị thứ 33 so với 63 tỉnh, thành phố và xếp vị thứ 9 Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung (sơ bộ quý I tăng 6,95%, ước tính quý II tăng 5,7%), trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,4%, đóng góp 1,03 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,77%, đóng góp 2,97 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,22%, đóng góp 2,19 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,36% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,06 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Chia ra:



- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Nông nghiệp tăng 3,62% nhờ năng suất và sản lượng lúa đông xuân tăng khá so với cùng kỳ và đây là năm lúa đông xuân được mùa, được giá; hoạt động chăn nuôi tiếp tục phát triển, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm tương đối ổn định, cơ bản được kiểm soát, các bệnh nguy hiểm như lở mồm long móng (LMLM), cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu phi,... trên gia súc không xảy ra. Lâm nghiệp tăng 32,77% thời tiết thuận lợi và giá gỗ nguyên liệu làm giấy tăng nên các hộ dân trồng rừng thu hoạch những diện tích rừng đến thời gian thu hoạch; thủy sản tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,77%, trong đó:

+ Công nghiệp tăng 9,01%⁽²⁾, tăng trưởng chính là ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 9,33% so với cùng kỳ năm trước (chiếm tỷ trọng 57,52% của khu vực công nghiệp), nhờ quyết liệt triển khai đồng bộ những giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động và phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp ngành công nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các ngành cấp 2 có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng chung so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 13,6%; sản xuất trang phục tăng 15,53%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 16,09%; sản

² Công nghiệp khai khoáng tăng 8,33%; chế biến, chế tạo tăng 9,33%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 8,57%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,97% so với cùng kỳ năm trước.

xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 7,98%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 20,43%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 47,32%...

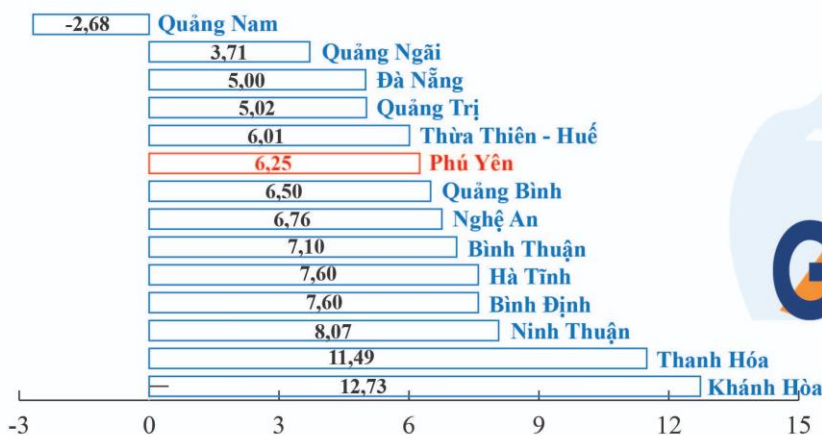
+ Xây dựng tăng 11,66% công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án của tỉnh, bồi thường hỗ trợ tái định cư, kiểm soát giá nguyên vật liệu; bảo đảm vật liệu san lấp cho các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh, tập trung triển khai dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 qua tỉnh Phú Yên⁽³⁾, đây là dự án trọng điểm quốc gia có quy mô lớn. Tăng chính là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, giá trị tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024 ước tính 721,3 tỷ đồng, tăng 44,53% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 49,38% tổng giá trị tăng thêm ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Khu vực dịch vụ tăng 5,22%, hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển và tăng trưởng khá. Tình hình thị trường hàng hóa và sức mua của người dân trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì; hàng hóa lưu thông thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân; các hoạt động dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, du lịch lữ hành và các dịch vụ khác diễn ra nhộn nhịp do nhu cầu sử dụng của người dân trong tỉnh và khách du lịch đến từ ngoài tỉnh tăng. Một số ngành có giá trị tăng thêm tăng cao hơn mức tăng chung như: Nghệ thuật vui chơi và giải trí tăng 14,85% là nhóm ngành tăng cao nhất trong nhóm ngành dịch vụ; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 11,22%; vận tải kho bãi tăng 8,2%; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô xe máy tăng 7,17%; Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 7,91% (Dịch vụ lưu trú tăng 12,44%, ăn uống tăng 7,01%)...

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,36%, tăng thấp do trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có nhiều doanh nghiệp chủ lực, quy mô lớn để tạo đột phá về thu ngân sách, 6 tháng đầu năm tiếp tục áp dụng chính sách điều chỉnh mức thuế bảo vệ môi trường với xăng, dầu, mỡ nhờn nhằm góp phần bình ổn giá xăng dầu trong nước.

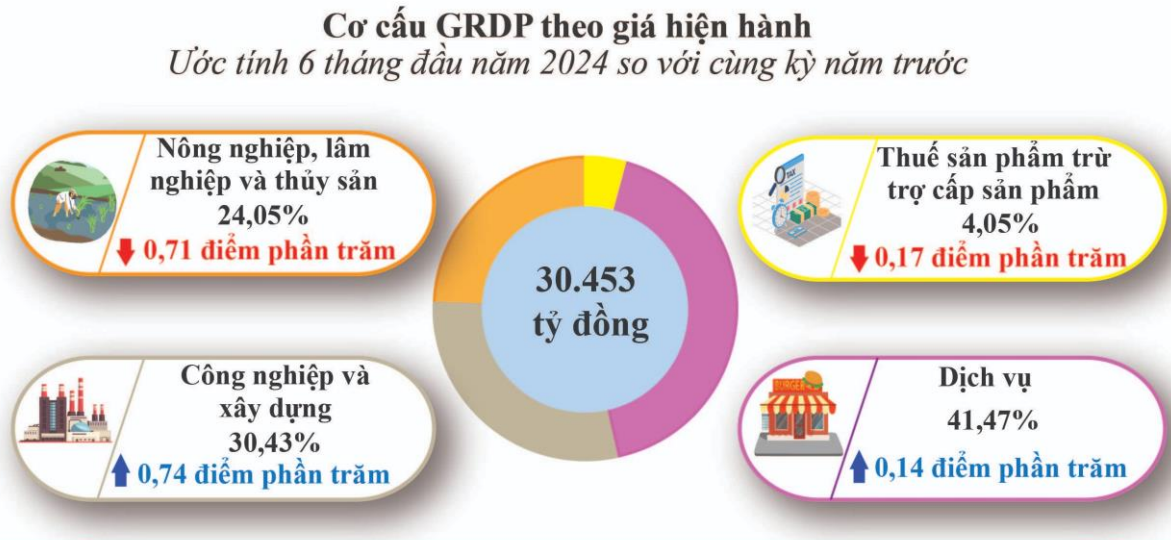
Tốc độ tăng GRDP của một số tỉnh, thành phố

Ước tính 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



3 Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 qua tỉnh Phú Yên chiếm 41,11% tổng giá trị tăng thêm ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh, tăng 85,53% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu tổng sản phẩm 6 tháng đầu năm 2024 theo giá hiện hành, tỷ trọng nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 24,05%, giảm 0,71 điểm phần trăm; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,43%, tăng 0,74 điểm phần trăm; dịch vụ chiếm 41,47%, tăng 0,14 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,05% trong tổng số, giảm 0,17 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.



Với tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm 6,25%, để đạt kế hoạch tăng trưởng GRDP cả năm là 7,5% so với năm trước thì 6 tháng cuối năm phải tăng GRDP 8,6%, cụ thể: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,0% (trong đó, công nghiệp tăng 13,5% và xây dựng tăng 4,4%); khu vực dịch vụ tăng 10,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10,0%.

2. Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

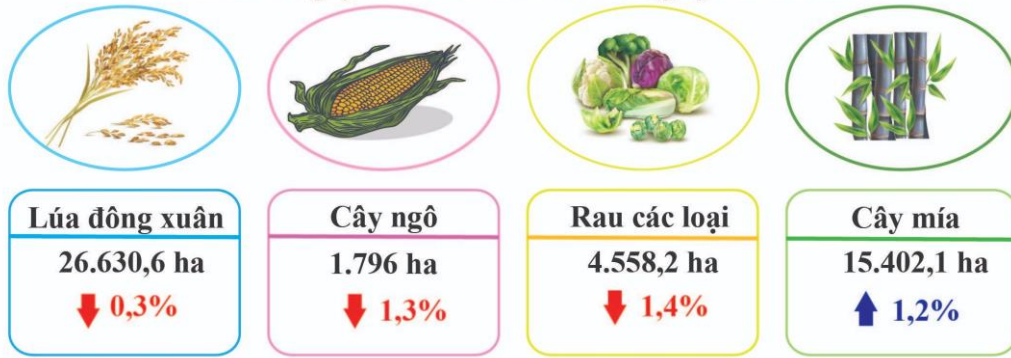
2.1. Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/6/2024 các địa phương cơ bản đã thu hoạch xong lúa vụ đông xuân với diện tích 26.630,6 ha, giảm 0,3% (giảm 92,7 ha); năng suất lúa gieo trồng 77,1 tạ/ha, tăng 3 tạ/ha; sản lượng sơ bộ ước đạt 205,4 nghìn tấn, tăng 3,7% (tăng 7,4 nghìn tấn) so với vụ đông xuân năm 2023. Ngành nông nghiệp tập trung tuyên truyền, hướng dẫn nông dân các địa phương sản xuất hết diện tích, đúng khung thời vụ gieo sạ; đồng thời làm tốt khâu xử lý đất, vệ sinh đồng ruộng, đặc biệt nông dân áp dụng biện pháp sạ hàng, sạ thưa, giảm lượng giống gieo sạ, tăng tỷ lệ sử dụng giống cấp xác nhận, giống ngắn ngày, chịu hạn, chịu mặn, kháng bệnh tốt nên năm nay năng suất lúa tăng cao; cây lúa được mùa, được giá.

Cùng với việc thu hoạch lúa vụ đông xuân, nông dân cũng đã khẩn trương làm đất, ngâm ủ giống, tính đến nay đã xuống giống gieo sạ lúa vụ hè thu được 24.500 ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước.





- Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, các địa phương trên toàn tỉnh đã gieo trồng được 1.796 ha ngô, giảm 1,3%; mía 15.402,1 ha, tăng 1,2%; rau các loại 4.558,2 ha, giảm 1,4%; đậu các loại 1.220,4 ha, giảm 14,2%,... so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm
Tính đến ngày 15/6/2024 so với cùng kỳ năm trước



Sản lượng một số cây trồng trên địa bàn tỉnh như sau: Mía 872 nghìn tấn, tăng 8,1%; ngô 9,3 nghìn tấn, tăng 0,9%; sắn 321,3 nghìn tấn, giảm 1,3%; rau các loại 57,6 nghìn tấn, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Nhờ nhân rộng các mô hình sản xuất, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, các giống mới được đưa vào sản xuất nên nhìn chung sản lượng các loại cây trồng chính của tỉnh đều tăng hơn năm trước.

Sản lượng thu hoạch một số cây hàng năm
Ước tính 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Lúa đông xuân	Cây ngô	Cây mía	Cây sắn
 ↑ 3,7%	 ↑ 0,9%	 ↑ 8,1%	 ↓ 1,3%
205,4 nghìn tấn	9,3 nghìn tấn	872 nghìn tấn	321,3 nghìn tấn

- Cây lâu năm: Tổng diện tích các loại cây lâu năm hiện có 13.618,6 ha, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Cây ăn quả 7.040,6 ha, giảm 0,8%; hồ tiêu 515,7 ha, tăng 0,7%; điều 120,5 ha, giảm 2,8%; cao su 4.054 ha, giảm 1,1%. Sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp lâu năm: Hồ tiêu 658,4 tấn, tăng 3%; cao su 2.634,3 tấn, tăng 1,3%; điều 58,5 tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng một số loại cây ăn quả chủ yếu: Chuối 9.750,5 tấn, tăng 2,1%; dứa 7.552,6 tấn, tăng 4,9%; xoài 272 tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu
Ước tính 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



- Chăn nuôi:

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì phát triển. Mô hình chăn nuôi lợn theo hình thức gia trại và trang trại với phương thức nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp có xu hướng phát triển. Đàn trâu, bò có xu hướng giảm là do giá thịt hơi so với cùng kỳ năm trước không tăng, chi phí thức ăn cao, quỹ đất chăn nuôi ngày càng thu hẹp nên người nông dân có hướng giảm đàn nuôi; công tác cải tạo giống vật nuôi bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo luôn được chú trọng, cụ thể đã cung ứng tinh heo giống các loại (các giống Landrace, Duroc, Pi – Du) cho bà con chăn nuôi hơn 2.800 liều; dịch vụ thụ tinh nhân tạo cho bò đạt khoảng 8.500 liều (các giống Brahman, Lymousine, BBB,...) nâng tỷ lệ bò lai toàn tỉnh đạt hơn 74% tổng đàn, góp phần nâng cao giá trị, chất lượng đàn bò, heo giống tại địa phương.

Hiện nay số lượng trang trại chăn nuôi toàn tỉnh có 126 gia trại⁽⁴⁾ (Chăn nuôi bò, trâu 18 gia trại; lợn 48 gia trại; gà 33 gia trại; vịt, ngan, ngỗng, chim cút 27 gia trại), trong đó có 7 gia trại chăn nuôi quy mô lớn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi. Đặc biệt, đàn bò sữa của Công ty TNHH trang trại Bò sữa công nghệ cao Phú Yên năm thứ 3 khai thác sản phẩm sữa tươi, sản lượng ước tính 10,2 nghìn tấn, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước.

+ Trong tháng 6/2024, số lượng trâu 5.284 con, giảm 4,1%; đàn bò 159.080 con, giảm 1%; đàn lợn 148.065 con, giảm 0,1%, gia cầm 4.579 nghìn con, tăng 1,2%, trong đó: Số lượng gà 3.610 nghìn con, tăng 1,8%. Sản lượng thịt trâu 32 tấn, tăng 3,9%; thịt bò 1.410 tấn, tăng 1,7%; thịt lợn 1.137 tấn, tăng 1,7%. Sản lượng thịt gia cầm 1.324 tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thịt gà 1.096 tấn tăng 0,7%; sản lượng trứng gia cầm 17,1 triệu quả, tăng 2,3%, trong đó: Sản lượng trứng gà 4,1 triệu quả, tăng 4,7%;

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, sản lượng thịt trâu 183 tấn, tăng 2,2%; thịt bò 9.150 tấn, tăng 0,2%; thịt lợn 10.530 tấn, tăng 0,7%. Sản lượng thịt gia cầm 9.416 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thịt gà 8.010 tấn, tăng 2,3%; sản lượng trứng gia cầm 98,5 triệu quả, tăng 1,9%, trong đó: Sản lượng trứng gà 26,8 triệu quả, tăng 3,4%.

⁴ Giảm 29 gia trại so cùng kỳ năm trước do hoàn chỉnh thủ tục đất đai, môi trường.

Số lượng gia súc, gia cầm

Ước tính tháng 6 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



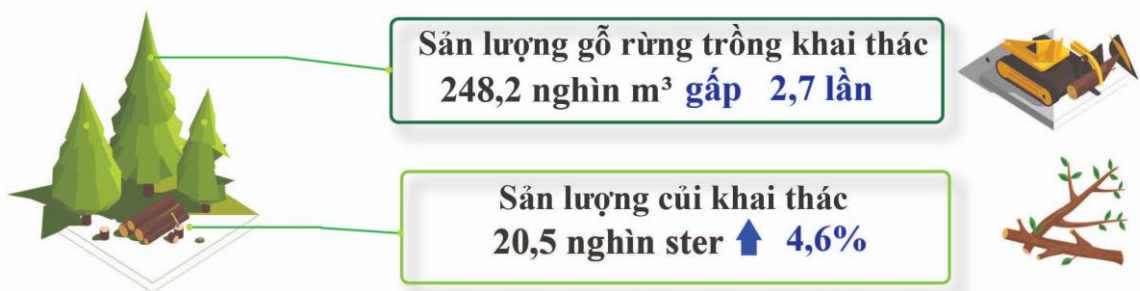
2.2. Lâm nghiệp

Ước tính trong tháng 6, sản lượng gỗ khai thác 66.315 m³, gấp 3,1 lần; sản lượng củi 6.500 ster, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, diện tích rừng trồng mới tập trung 559 ha (rừng phòng hộ 9 ha; rừng sản xuất 550 ha), tăng 5,5%; sản lượng gỗ khai thác 248.215 m³, gấp 2,7 lần; sản lượng củi khai thác 20.500 ster, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước, do giá gỗ nguyên liệu giấy tăng nên các hộ trồng rừng tranh thủ thu hoạch những diện tích rừng gần đến thời gian thu hoạch. Các đơn vị lâm nghiệp tiếp tục tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng; triển khai thực hiện chăm sóc diện tích rừng trồng qua các năm khoảng 21.000 ha, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 304,5 ha; giao khoán bảo vệ hơn 22.462,5 ha rừng tự nhiên.

Đã kiểm tra công nhận 07 vườn ươm cây đầu dòng Keo lai, số lượng 104.500 cây, số lượng hom có thể cung cấp 7,65 triệu cây/năm. Tổng số vườn ươm cây đầu dòng keo lai còn hạn sử dụng trong năm 2024 là 43 vườn. Hiện các đơn vị đang bắt đầu vào mùa vụ sản xuất cây giống.

Sản xuất lâm nghiệp

Ước tính 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



2.3. Thủy sản

- Trong tháng diện tích thả nuôi ước tính 344 ha, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá 6 ha, bằng 100%; tôm 338 ha, tăng 0,9%. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, diện tích nuôi trồng 2.145 ha, tăng 1,4%, trong đó: Cá 179 ha, tăng 1,1%; tôm 1.740 ha, tăng 1,6%, thủy sản các loại 226 ha, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

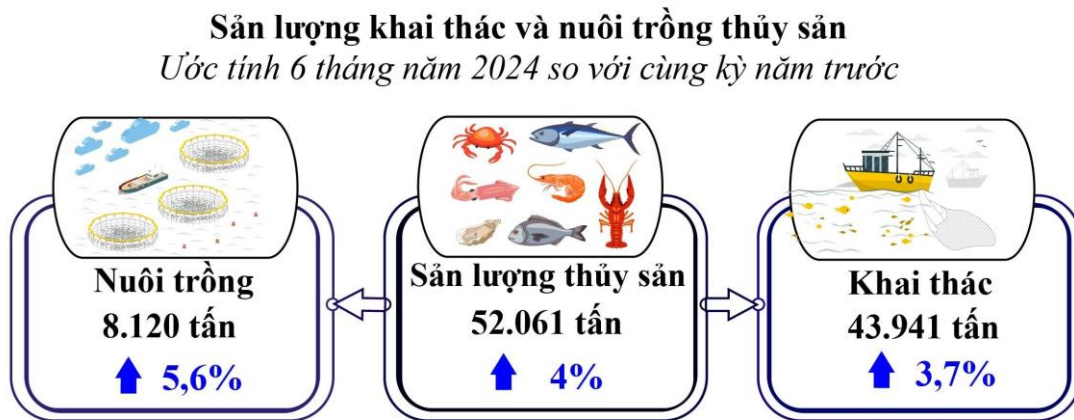
- Sản xuất giống tôm thẻ Post 15 trong tháng đạt 280 triệu con, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, sản xuất được 620 triệu con giống, tăng 3,3%.

- Sản lượng thủy sản trong tháng 6 ước tính 12.501 tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản khai thác 9.283 tấn, tăng 3,7%, (trong tổng sản lượng cá khai thác, cá ngừ đại dương 406 tấn, chiếm 4,8% và tăng 1,5%). Sản lượng thủy sản nuôi trồng 3.218 tấn, tăng 5,9%.

- Ước tính 6 tháng đầu năm 2024, sản lượng thủy sản ước tính 52.061 tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá 39.358 tấn, tăng 2,9%; tôm 7.082 tấn, tăng 4,8%; thủy sản khác 5.622 tấn, tăng 11,3%. Chia ra:

+ Sản lượng thủy sản khai thác 43.941 tấn, tăng 3,7%, trong đó: Cá các loại 38.483 tấn, tăng 2,9%; tôm 202 tấn, giảm 24,1%; thủy sản các loại 5.257 tấn, tăng 12%. Trong tổng sản lượng cá khai thác, cá ngừ đại dương 2.624 tấn, chiếm 6,8% và tăng 18,3%.

+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng 8.120 tấn, tăng 5,6%, trong đó: Cá 875 tấn, tăng 4,5%; tôm 6.880 tấn, tăng 6%; thủy sản các loại 365 tấn, tăng 1,7%.



2.4. Phát triển nông thôn

Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã công nhận thêm 01 xã nông thôn mới, 02 xã nông thôn mới nâng cao, 07 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, 02 vườn mẫu nông thôn mới, 03 thôn nông thôn mới thông minh. Đến nay, toàn tỉnh có 65/83 xã nông thôn mới (chiếm 78% tổng số xã), trong đó có 18 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 23 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, 29 vườn mẫu nông thôn mới, 03 thôn nông thôn mới thông minh.

Tiếp tục triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); đến nay, toàn tỉnh có 253 sản phẩm OCOP. Thường xuyên giới thiệu các sản phẩm OCOP tham gia các Hội chợ thương mại và Diễn đàn sản phẩm OCOP, góp phần phát triển các mặt hàng nông sản của tỉnh đến nhiều người tiêu dùng biết và tin dùng.

3. Sản xuất công nghiệp và hoạt động của khu công nghiệp

3.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

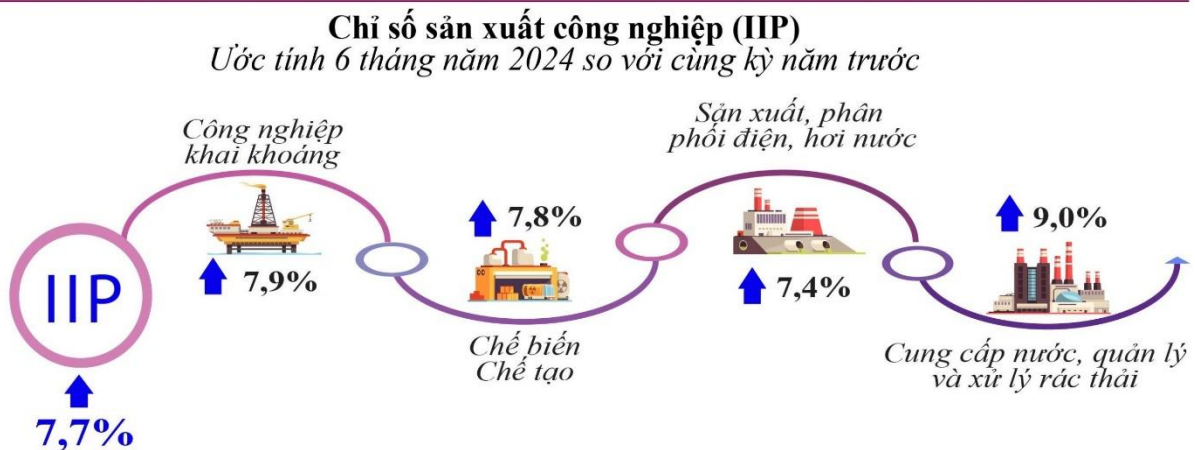
Trên địa bàn tỉnh, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, lãnh đạo các sở, ban, ngành, các địa phương bám sát thực tiễn, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; tiếp tục tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Do vậy, ngành sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 vẫn tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước.

- Tháng 6/2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 8,5%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,0%; ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 6,6%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 8,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp tháng 6/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước: Quần áo các loại 1.828 nghìn sản phẩm, tăng 21,9%; linh kiện điện tử các loại 87 triệu sản phẩm, tăng 19,2%; dăm gỗ các loại 14.807 tấn, tăng 16,8%; hải sản các loại 1.819 tấn, tăng 16,6%; nhân hạt điều các loại 2.169 tấn, tăng 16,5%; đá xây dựng các loại 82.488 m³, tăng 13,8%; phân bón các loại 5.283, tăng 10,6%; điện thương phẩm 103.972 nghìn kwh, tăng 10,6%; viên nén các loại 566 m³, tăng 10,3%; nước đá các loại 62.083 tấn, tăng 9,7%... Riêng đường kết tinh các loại 9.869 tấn, giảm 4%; bia các loại 3.916 nghìn lít, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước (quý II tăng 6,9%), trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 7,9%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,8%⁽⁵⁾; ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 7,4%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 9,0%.



- Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (theo giá so sánh) quý II/2024 ước đạt 7.879,6 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, phân theo các ngành kinh tế cấp I như: Ngành công nghiệp khai khoáng 63,5 tỷ đồng, tăng 6,9%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6.834,5 tỷ đồng, tăng 6,1%; ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước 930,1 tỷ đồng, tăng 6,4%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải 51,5 tỷ đồng, tăng 6,1%.

⁵ Một số ngành công nghiệp cấp II tăng so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 26,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 20,9%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 17,2%; chế biến gỗ và SX sản phẩm từ gỗ tre, nứa tăng 16,7%; sản xuất trang phục tăng 14,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 13,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 4,3%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) 6 tháng đầu năm 2024 ước tính 14.612,5 tỷ đồng tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, phân theo các ngành kinh tế cấp I như sau:

Ngành công nghiệp khai khoáng 140,3 tỷ đồng, tăng 6,8%. Các doanh nghiệp tập trung khai thác và chế biến đá phục vụ cho các công trình xây dựng trên địa bàn nên sản lượng đá xây dựng các loại ước tính 451,1 nghìn m³, tăng 7,5%.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 12.612,8 tỷ đồng, tăng 7,3%. Tình hình sản xuất ước tính 6 tháng một số ngành công nghiệp chế biến chủ yếu so với cùng kỳ năm trước như sau:

+ Chế biến mía đường 169.753 tấn, tăng 14,1%, tăng cao so với cùng kỳ năm trước do các nhà máy đường tập trung thu mua sản lượng mía cây để chế biến.

+ Chế biến thủy hải sản 8.616 tấn, tăng 16%, các doanh nghiệp chế biến hải sản tập trung sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm đối với các đơn hàng đã ký kết trong và ngoài nước.

+ Chế biến tinh bột sắn 54.695 tấn, tăng 44%, đến cuối tháng 4/2024 do hết sản tươi, các nhà máy chế biến tinh bột sắn đã tạm dừng hoạt động để sửa chữa máy móc, thiết bị và dự kiến cuối tháng 8/2024 sẽ hoạt động trở lại.

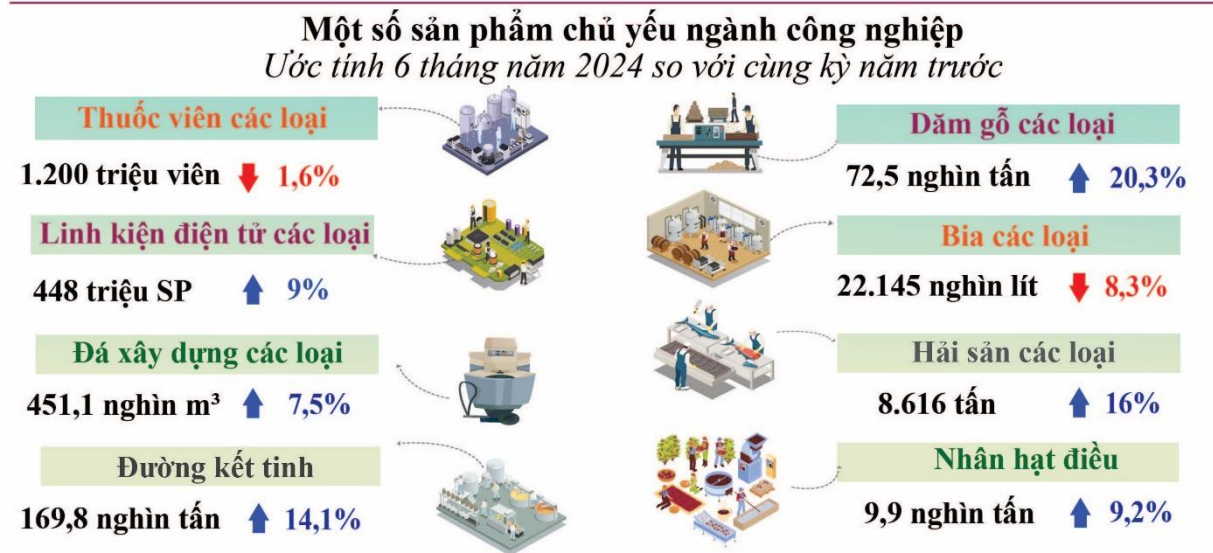
+ Chế biến nhân hạt điều xuất khẩu 9.884 tấn, tăng 9,2% tăng do các doanh nghiệp chế biến đã kịp thời khắc phục những khó khăn và đảm bảo được nguồn nguyên liệu để phục vụ sản xuất.

+ Sản xuất bia các loại 22,1 triệu lít, giảm 8,3%.

+ Sản phẩm may mặc quần áo các loại 9,5 triệu sản phẩm, tăng 16,6%, do các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tập trung sản xuất theo các đơn hàng đã được ký kết ngay từ đầu năm, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thị trường mới để tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ.

+ Sản xuất thuốc chữa bệnh các loại 1.200 triệu viên, giảm 1,6% do ảnh hưởng chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, sự cạnh tranh gay gắt của sản phẩm trên thị trường và nhu cầu tiêu dùng giảm.

+ Sản xuất linh kiện điện tử các loại 448 triệu sản phẩm, tăng 9%.



Ngành sản xuất và phân phối điện, hơi nước 1.763,2 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, tăng ở các sản phẩm sau: Điện sản xuất 1.252,4 triệu kwh, tăng 5,3%; điện thương phẩm 550,4 triệu kwh, tăng 9,9% do thời tiết thuận lợi nên đảm bảo nguồn nước cho các nhà máy thủy điện hoạt động và các nhà máy điện mặt trời vẫn duy trì sản xuất.

Ngành cung cấp nước và quản lý, xử lý rác thải 96,2 tỷ đồng, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước, tăng chính là sản phẩm nước uống được 7,4 triệu m³, tăng 5,7%.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, những tháng đầu năm 2024 số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới còn hạn chế, từ đầu năm đến ngày 25/6/2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên có 246 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm trước; tổng số vốn đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp là 1.202 tỷ đồng, giảm 70% về số vốn so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký bình quân 01 doanh nghiệp đạt 4,89 tỷ đồng/doanh nghiệp. Có 246 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước; 114 doanh nghiệp đã giải thể, tăng 115% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động của doanh nghiệp

(Tính từ đầu năm đến ngày 25/6/2024 so với cùng kỳ năm trước)



5. Thương mại, dịch vụ

Thị trường hàng hóa và sức mua của người dân được duy trì tăng trưởng; hàng hóa lưu thông thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu cho tiêu dùng của Nhân dân; nhiều doanh nghiệp, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ đã tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn, giá cả hợp lý với nhiều mặt hàng giảm giá nhằm kích cầu tiêu dùng nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 và các ngày lễ lớn, làm cho hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra sôi động do nhu cầu sử dụng của người dân trong tỉnh và khách du lịch đến từ ngoài tỉnh tăng mạnh. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được các cấp, các ngành tăng cường nên đã góp phần bình ổn thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh tăng khá, phục vụ tốt nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của Nhân dân. Do có các sự kiện đang được tổ chức trên địa bàn, ngành giao thông vận tải đã tăng cường các phương tiện dự phòng để phục vụ nhu cầu đi lại, tham quan của khách du lịch; chất lượng dịch vụ các loại hình

vận tải tiếp tục được cải thiện, giá cước vận tải luôn được kiểm soát, quản lý. Về hoạt động vận chuyển hàng hóa, hiện nay thời tiết thuận lợi để người dân thu hoạch nông sản, xây dựng các công trình, nên tình hình vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tăng cao.

Tháng 6/2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính 4.533,1 tỷ đồng, tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu bán buôn hàng hóa 2.353,2 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước; tổng doanh thu ngành vận tải 408 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính 26.529,4 tỷ đồng, đạt 50,4% kế hoạch năm, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu bán buôn hàng hóa 13.628,9 tỷ đồng, tăng 10,5%; doanh thu vận tải 2.426,8 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước.

5.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 6/2024 ước tính 3.599,2 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước⁽⁶⁾; doanh thu lưu trú 84,6 tỷ đồng, tăng 20,5% so với tháng trước và tăng 24,6% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu ăn uống 619,6 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu hoạt động lữ hành 1,7 tỷ đồng, giảm 21,9% so với tháng trước và gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước; doanh thu hoạt động dịch vụ khác 228 tỷ đồng, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước.

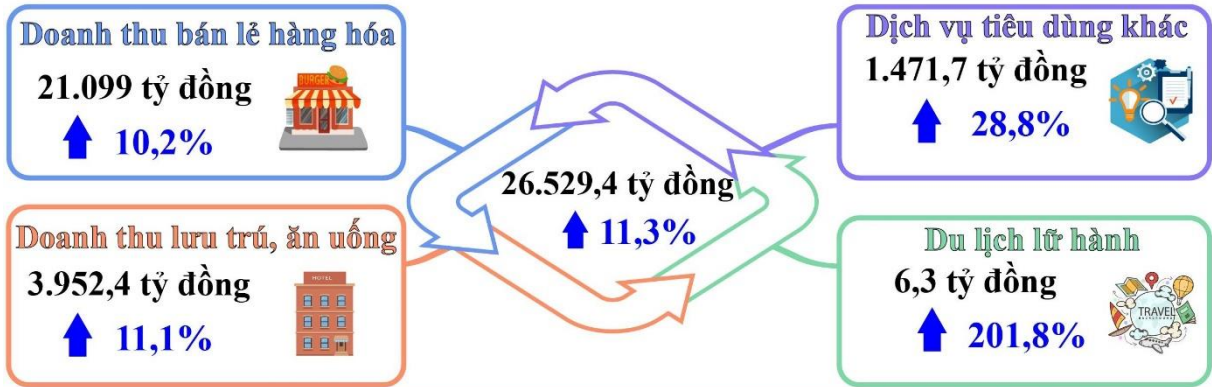
Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 tổng mức bán lẻ hàng hóa ước tính 21.099 tỷ đồng, đạt 50,2% kế hoạch năm, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước⁽⁷⁾; doanh thu lưu trú 419,7 tỷ đồng, tăng 25%; doanh thu ăn uống 3.532,7 tỷ đồng, tăng 9,7%; doanh thu hoạt động lữ hành 6,3 tỷ đồng, gấp 3 lần; doanh thu hoạt động dịch vụ khác 1.471,7 tỷ đồng, tăng 28,8%⁽⁸⁾.

⁶ Một số nhóm ngành hàng tăng khá so tháng 6/2023 như: Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác 62 tỷ đồng, tăng 23,6%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm 54,2 tỷ đồng, tăng 21,9%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) 15,8 tỷ đồng, tăng 17,9%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục 43,2 tỷ đồng, tăng 15,8%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) 124,7 tỷ đồng, tăng 15,2%; lương thực, thực phẩm 2.098,6 tỷ đồng, tăng 12,3%. Riêng có 01 nhóm ngành hàng giảm: Ô tô con (loại dưới 9 chỗ ngồi trừ xe buýt) 40,3 tỷ đồng, giảm 21,3%.

⁷ Một số nhóm ngành hàng tăng khá so cùng kỳ năm trước như: Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 13,7%; lương thực, thực phẩm tăng 13,2%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 13%; nhiên liệu khác tăng 12,9%. Các nhóm ngành hàng giảm gồm: Ô tô con giảm 16,8%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 0,6% nguyên nhân là do sức mua thấp.

⁸ Trong đó: Dịch vụ kinh doanh bất động sản 100 tỷ đồng, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 248,7 tỷ đồng, tăng 57,6%; dịch vụ giáo dục và đào tạo 77,9 tỷ đồng, tăng 8,5%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 100,3 tỷ đồng, tăng 23,6%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí 491,9 tỷ đồng, tăng 52,8%; dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình 128 tỷ đồng, tăng 15,3%; dịch vụ khác 324,9 tỷ đồng, tăng 11,1%.

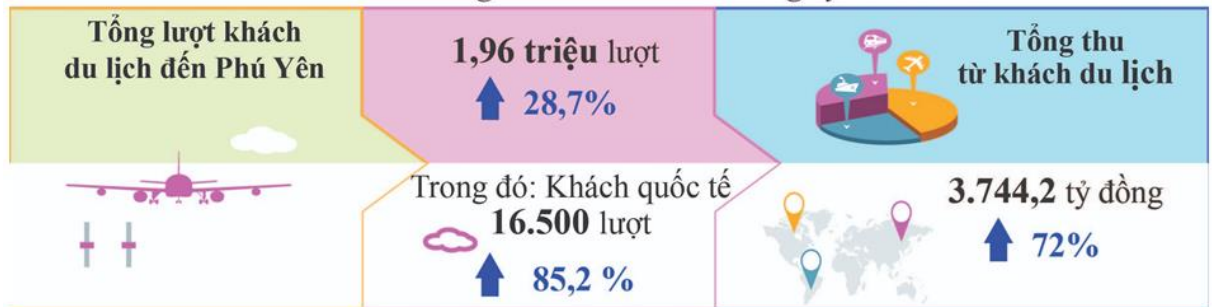
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
Ước tính 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



Tổng lượt khách du lịch đến Phú Yên ước tính 6 tháng đầu năm 2024 đạt 1.958.500 lượt, đạt 57,6% so với kế hoạch năm, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước (trong đó: Khách quốc tế ước đạt 16.500 lượt, đạt 82,5% so với kế hoạch năm, tăng 85,2% so với cùng kỳ năm trước); tổng thu từ khách du lịch 3.744,2 tỷ đồng, đạt 51,5% so với kế hoạch năm, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượt khách lưu trú 1.184.252 lượt, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước (trong đó: Khách quốc tế 12.169 lượt, tăng 80,7%); doanh thu lưu trú 419,7 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

Một số chỉ tiêu về hoạt động du lịch

Ước tính 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



Đến nay, toàn tỉnh có 440 cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch; trong đó có 01 khách sạn 5 sao, 01 khách sạn 4 sao, 05 khách sạn 3 sao, 04 khách sạn 2 sao, 31 khách sạn 1 sao, 80 khách sạn, 92 nhà nghỉ và 31 homestay đáp ứng đủ điều kiện tối thiểu kinh doanh lưu trú du lịch; một số cơ sở lưu trú khác đang làm thủ tục đăng ký thẩm định công nhận loại hạng theo quy định. Tổng số buồng lưu trú du lịch hiện có khoảng 7.700 buồng, trong đó có khoảng 670 buồng đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao, đáp ứng đủ điều kiện tối thiểu kinh doanh lưu trú du lịch; đồng thời, các khu du lịch vui chơi giải trí được cải tạo nâng cấp để phục vụ tốt nhu cầu vui chơi giải trí của du khách khi đến Phú Yên.

5.2. Xuất, nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu lũy kế 6 tháng ước thực hiện 164,1 triệu USD, đạt 57,6% kế hoạch năm, tăng 34,3% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng như: Sản phẩm gỗ đạt 13,9 triệu USD, tăng 36,2%; quần áo may sẵn đạt 29,28 triệu USD, tăng 35,5%; hải sản các loại đạt 81,47 triệu USD, tăng 35,1%;

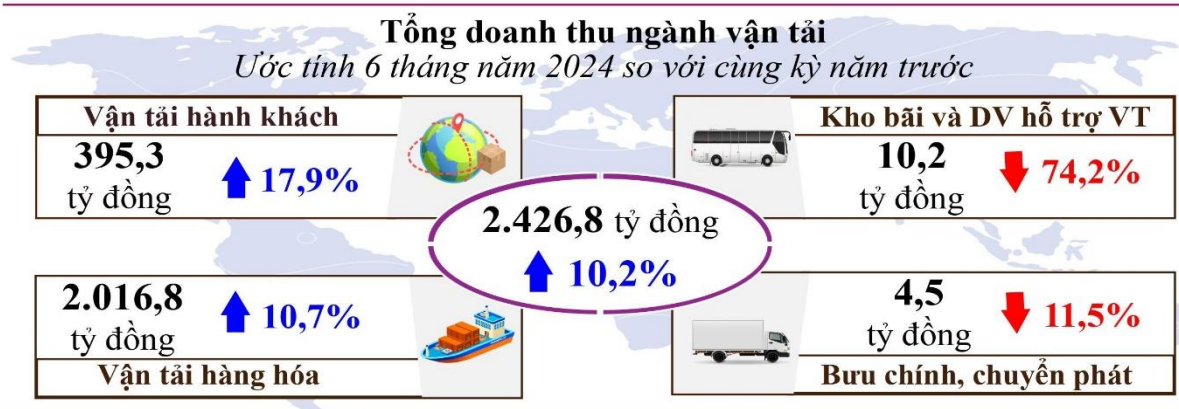
kính đạt 5,41 triệu USD, tăng 22%; linh kiện điện tử đạt 18,27 triệu USD, tăng 17,4%; nhân hạt điều đạt 4,41 triệu USD, tăng 4,7%.

Kim ngạch nhập khẩu lũy kế 6 tháng ước thực hiện 71,6 triệu USD, đạt 37,7% kế hoạch năm, tăng 16,2% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu tăng như: Hóa chất đạt 14,1 triệu USD, tăng 24,5%; máy móc thiết bị phụ tùng đạt 13,8 triệu USD, tăng 20,8%; vải và phụ liệu may mặc đạt 10,9 triệu USD, tăng 11,2%.

5.2. Vận tải hành khách, hàng hóa

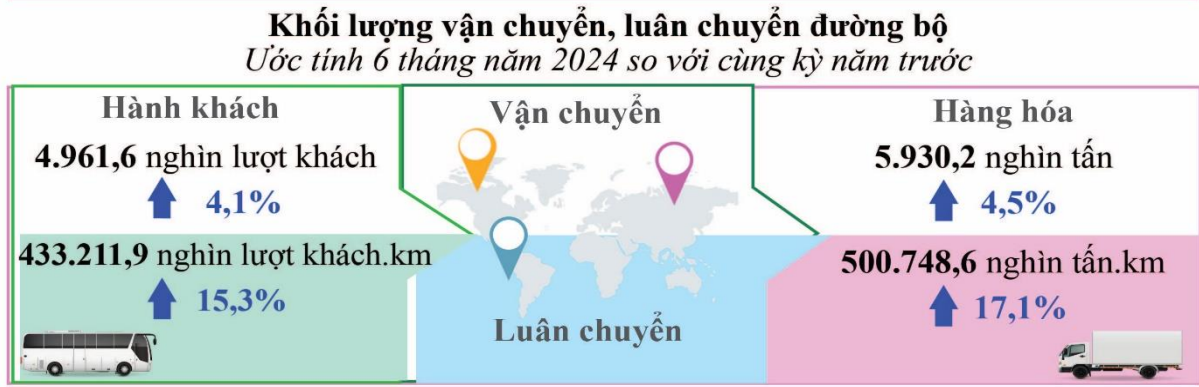
Công tác quản lý giao thông vận tải tiếp tục được tăng cường, đẩy mạnh. Duy trì kiểm soát tải trọng phương tiện, đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải, nhất là vận tải khách, đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Các đơn vị kinh doanh vận tải, bến xe khách trên địa bàn tỉnh tổ chức tốt kế hoạch vận tải khách, công tác quản lý hoạt động tại các Bến xe khách trên địa bàn tỉnh được tăng cường, đảm bảo an ninh trật tự khu vực bến, không để ứ đọng khách. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu trên thiết bị giám sát hành trình để xử lý chủ phương tiện lái xe vi phạm pháp luật.

Tổng doanh thu ngành vận tải tháng 6/2024 ước tính 408 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Doanh thu vận tải hành khách 62,7 tỷ đồng, tăng 32,1%; doanh thu vận tải hàng hóa 342,9 tỷ đồng, tăng 8,4%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 1,6 tỷ đồng, giảm 48,1% do nhu cầu về các dịch vụ này giảm như hoạt động quản lý trông giữ tại các bãi, điểm đỗ ô tô, xe máy, các phương tiện đường bộ, bốc xếp hàng hóa, lai dắt cứu hộ đường bộ,... Bưu chính, chuyển phát 0,8 tỷ đồng, giảm 9,6% do nhu cầu của hoạt động dịch vụ nhận hàng hóa hoặc tài liệu, phân loại, vận chuyển và phân phối thư, bưu thiếp, báo, tạp chí, ấn phẩm quảng cáo, bưu phẩm, bưu kiện theo yêu cầu của khách hàng giảm. Tính chung doanh thu vận tải 6 tháng đầu năm 2024 ước tính 2.426,8 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Doanh thu vận tải hành khách 395,3 tỷ đồng, tăng 17,9%; doanh thu vận tải hàng hóa 2.016,8 tỷ đồng, tăng 10,7%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 10,2 tỷ đồng, bằng 25,8%; dịch vụ bưu chính chuyển phát 4,5 tỷ đồng, giảm 11,5%.



Tháng 6/2024, khối lượng hành khách vận chuyển đường bộ ước tính 786,4 nghìn lượt khách, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hành khách luân chuyển đường bộ 78.537,6 nghìn lượt khách.km, tăng 23,5%; khối lượng hàng hoá

vận chuyển đường bộ 1.023,3 nghìn tấn, tăng 4,3%; khối lượng hàng hoá luân chuyển đường bộ 89.770,3 nghìn tấn.km, tăng 22,8%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, khối lượng hành khách vận chuyển đường bộ 4.961,6 nghìn lượt khách, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hành khách luân chuyển đường bộ 443.211,9 nghìn lượt khách.km, tăng 15,3%; khối lượng hàng hoá vận chuyển đường bộ 5.930,2 nghìn tấn, tăng 4,5%; khối lượng hàng hoá luân chuyển đường bộ 500.748,6 nghìn tấn.km, tăng 17,1%.



Trong 6 tháng đầu năm 2024, lượng hành khách qua Cảng hàng không Tuy Hòa ước tính 164.480 lượt khách, giảm 31,1%; lượng hành khách lên tàu tại các Ga trên địa bàn tỉnh 68.045 lượt khách, tăng 17,3%; lượng hàng hóa thông qua cảng Vũng Rô 90.000 tấn, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm trước.

Luồng tuyến vận tải: Đã duy trì hoạt động các tuyến vận tải; đến nay có 37 tuyến vận tải khách liên tỉnh, 05 tuyến nội tỉnh, 04 tuyến vận tải khách công cộng bằng xe buýt; tổng số phương tiện vận tải hành khách 1.209 xe/13.849 ghế (trong đó: số lượng xe hoạt động tuyến cố định 88 xe/2.611 ghế, hợp đồng 451 xe/7.022 ghế, xe buýt 15 xe/684 ghế, xe taxi 641 xe/3.308 ghế, 14 xe trung chuyển/224 ghế); tổng số phương tiện vận tải hàng hóa (đầu kéo, container, xe tải) đã cấp phép vận tải 3.299 xe/29.955 tấn.

5.3. Bưu chính viễn thông

Số vị trí trạm BTS ước 6 tháng đầu năm 2024 khoảng 1.305 trạm, tăng 57 trạm (tăng 4,6%) so với cùng kỳ năm trước.

Số thuê bao điện thoại di động 6 tháng đầu năm 2024 ước tính 971.105 thuê bao, giảm 2,5% so cùng kỳ năm trước, đạt 110,5 thuê bao/100 dân; thuê bao điện thoại cố định 12.121 thuê bao, giảm 5,2% so cùng kỳ năm trước, đạt 1,4 thuê bao/100 dân; thuê bao Internet (tính cả internet băng rộng di động và băng rộng cố định) 809.740 thuê bao, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 92,1 thuê bao/100 dân.

Doanh thu lĩnh vực bưu chính viễn thông 6 tháng đầu năm 2024 ước tính 597,8 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước (do nhu cầu người dân sử dụng các dịch vụ truyền thống (thoại và SMS) giảm dần nhưng các chỉ số khác tăng trưởng như số dùng cáp quang, tỷ lệ người dùng internet, băng rộng cố định, băng rộng di động...

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Giá cả

1.1. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2024 tăng 0,39% so tháng trước, trong đó 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,67% (tác động làm CPI chung tăng 0,56% - do cuối mùa thu hoạch lúa vụ đông xuân nên giá lúa tăng làm cho giá gạo tăng, tác động đến giá các mặt hàng lương thực khác như bột mì, ngô, mỳ... tăng; giá lợn hơi tăng vì nguồn cung ít cộng với chi phí nhập giá lợn giống để tái đàn cao; thịt bò, thịt gia cầm, trứng tươi các loại... tăng do nhu cầu tiêu dùng tăng; giá các mặt hàng rau, đậu, đỗ tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài một số vùng trồng rau trên địa bàn thiếu nước tưới ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch, nguồn cung khan); nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (VLXD) tăng 0,46% do nhu cầu thuê nhà ở, xây dựng tăng và thời tiết nắng nóng người dân sử dụng lượng nước, điện sinh hoạt ở mức cao nhiều làm cho giá tăng; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03% do nhu cầu sử dụng một số mặt hàng trong nhóm hàng này như tủ lạnh, quạt điện, bếp ga,... tăng; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01% do thời tiết nắng nóng, số ca nhiễm bệnh sởi, thủy đậu, tay chân miệng tăng nhanh nên người dân có nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch; giáo dục tăng 0,02% do nhu cầu mặt hàng sách giáo khoa, văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,09% do nguồn cung ít nên giá tăng; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,19% do nhu cầu tăng trong mùa cưới hỏi cộng với giá vàng tăng nên giá các mặt hàng này tăng; các nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm: Đồ uống và thuốc lá giảm 0,33% do nhu cầu tiêu dùng giảm; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,48% do các cơ sở kinh doanh thực hiện nhiều chương trình khuyến mại giảm giá bán để kích cầu mua sắm; giao thông giảm 2,2% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu diesel vào ngày 06/6/2024, 13/6/2024 và 20/6/2024; bưu chính viễn thông giảm 0,36% do các cửa hàng bán giảm giá khuyến mãi để kích cầu.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2024 tăng 4,82% so với cùng kỳ năm trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,09% (trong đó: Lương thực tăng 13,39%, thực phẩm tăng 4,84%, ăn uống ngoài gia đình tăng 2,17%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,08%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,29%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 9,38%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,88%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,9%; giao thông tăng 1,7%; bưu chính viễn thông giảm 0,32%; giáo dục tăng 1,68%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,59%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,78%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2024 tăng 1,92% so tháng 12 năm trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,4% (trong đó: Lương thực tăng 1,76%, thực phẩm tăng 2,73%; ăn uống ngoài gia đình tăng 1,88%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,61%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,26%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 4,45%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,36%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,11%; giao thông tăng 1,21%; bưu chính viễn thông tăng 0,02%; giáo dục tăng 0,27%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,59%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,6%.

Chỉ số giá tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2024 tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,43% (tác động làm CPI chung tăng 1,15% - do nhu cầu

nhập khẩu tăng mạnh tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong khi nguồn cung giảm cộng với nhu cầu tiêu dùng các loại gạo tẻ và gạo nếp tăng cao dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, một số mặt hàng khác trong nhóm tăng do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng vào dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn); đồ uống và thuốc lá tăng 2,74% (do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng vào dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,81% (do nhu cầu mua sắm quần áo tăng, giá nguyên liệu đầu vào và giá nhân công tăng); nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 7,76% (do thời tiết nắng nóng người dân sử dụng lượng nước, điện sinh hoạt ở mức cao nhiều làm cho giá tăng; giá gas, dầu hỏa tăng do giá gas, dầu thế giới tăng); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,84% do nhu cầu mua sắm tăng, giá công tăng cộng với chi phí tăng; thuốc và dịch vụ y tế tăng 10% (khám chữa bệnh ngoại trú tăng 8,59%; khám chữa bệnh nội trú tăng 14,16% nguyên nhân do tỉnh đã triển khai văn số 2906/SYT-KHTC ngày 20/11/2023 của Sở Y tế Phú Yên về việc triển khai thực hiện Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; các mặt hàng thuốc tăng giá do nhu cầu tiêu dùng và chi phí sản xuất tăng; giao thông tăng 1,87% do nhu cầu đi du lịch trong dịp Lễ, Tết, dịp hè của người dân tăng và giá thuê công các dịch vụ tăng; bưu chính viễn thông tăng 0,3% do nhu cầu tăng và công thuê tăng; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,09% do nhu cầu tăng và nhu cầu giải trí, du lịch của người dân tăng trong dịp Lễ, Tết, mùa hè tăng; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,2% (do nhu cầu mua sắm và giá vàng, giá dịch vụ thuê công tăng; bảo hiểm y tế tăng do tăng theo lương cơ sở). Nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm: giáo dục giảm 9,66% do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, tỉnh Phú Yên đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Tốc độ tăng Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

CPI tháng 6/2024

So tháng 12 năm trước  ↑ 1,92%

So cùng kỳ năm trước  ↑ 4,82%

So tháng trước  ↑ 0,39%

Bình quân 6 tháng so với cùng kỳ năm trước  ↑ 3,30%

0 1 2 3 4 5

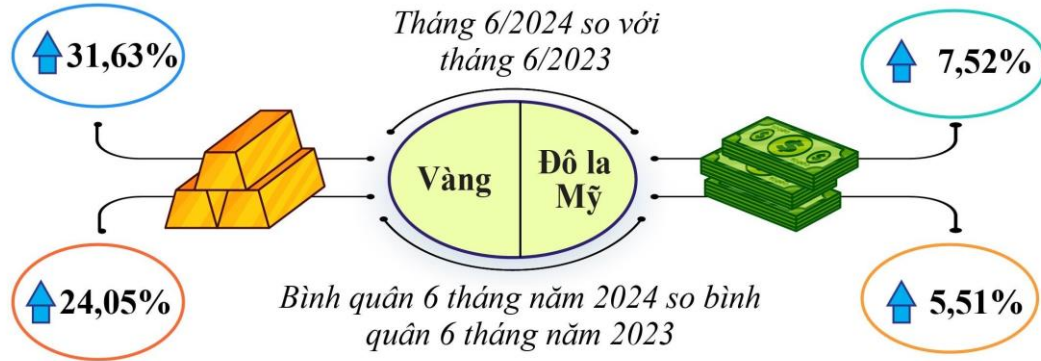


1.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Giá vàng 99,99 bình quân tháng 6/2024 là 7.391.000 đồng/chỉ; so tháng trước giảm 0,44%; so tháng cùng kỳ năm trước tăng 31,63%; so tháng 12 năm trước tăng 21,28%; so kỳ gốc 2019 tăng 89,85%. Giá vàng 99,99 bình quân 6 tháng đầu năm 2024 là 6.854.000 đồng/chỉ; so với cùng kỳ năm trước tăng 24,05%.

Giá Đô la Mỹ bình quân tháng 6/2024 là 25.460 VND/USD; so tháng trước giảm 0,02%; so tháng cùng kỳ năm trước tăng 7,52%; so tháng 12 năm trước tăng 4,26%; so kỳ gốc 2019 tăng 9,36%. Giá Đô la Mỹ quân 6 tháng đầu năm 2024 là 25.009VND/USD so với cùng kỳ năm trước tăng 5,51%.

Tốc độ tăng Chỉ số giá vàng, giá Đô la Mỹ



1.3. Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp, thủy sản

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,87% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 9,07% do thời tiết nắng hạn kéo dài làm ảnh hưởng diện tích gieo trồng và sự phát triển cây trồng, chi phí sản xuất và chi phí nhân công tăng và ảnh hưởng giá thị trường xuất khẩu, thương lái thu mua tại địa phương tác động làm giá bán sản phẩm từ cây hàng năm và cây lâu năm tăng; giá lợn hơi tính từ đầu năm đến nay luôn ở mức tăng cao là bởi thiếu hụt nguồn cung sau đợt dịch tả lợn châu Phi ở một số tỉnh miền Bắc; giá bán sản phẩm chăn nuôi trâu, bò và giống trâu, bò tăng do giá thức ăn chăn nuôi vẫn đang ở mức cao cộng với do nhu cầu tiêu thụ tăng, nguồn cung ít; chỉ số giá dịch vụ nông nghiệp tăng do giá thuê công tăng.

- Chỉ số giá sản xuất giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp tăng 9,04% do nhu cầu sử dụng các sản phẩm khai thác từ gỗ; sản xuất đồ gỗ, đồ dùng trong gia đình và xây dựng tăng, trong khi đó sản lượng khai thác các sản phẩm lâm nghiệp chưa đủ cung ứng cho thị trường; thị trường xuất khẩu cây gỗ keo tăng, tác động giá trong nước các thương lái thu mua giá cao; chi phí thuê nhân công tại các vườn ươm cây giống tăng nên giá bán tăng so cùng kỳ.

- Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản khai thác, nuôi trồng quý giảm 2,91% do thời tiết thuận lợi nhiều tàu thuyền ra khơi đánh bắt nên sản lượng đánh bắt nguồn cung dồi dào nên giá sản phẩm thủy sản khai thác biển giảm; nguồn cung nhiều cộng với do ảnh hưởng thị trường xuất khẩu nên giá các sản phẩm thủy sản nuôi trồng giảm.

1.4. Chỉ số giá sản xuất hàng công nghiệp

Chỉ số giá sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng 0,37% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung cát, sỏi, đá, đất sét nhiều; chỉ số

giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,18% so cùng kỳ do giá nguyên liệu hiện nay vẫn mức cao, giá điện, giá thuê nhân công, chi phí vận chuyển so với cùng kỳ năm trước tăng làm chi phí sản xuất tăng; chỉ số giá sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 12,82% do các công ty giảm giá chào giá bán điện sản để cạnh tranh; chỉ số giá sản xuất nước tự nhiên khai thác; dịch vụ quản lý nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,58% do chi phí nhân công dịch vụ thu gom rác thải không độc hại giảm.

2. Đầu tư, xây dựng

Năm 2024 tỉnh Phú Yên tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 29/02/2024 của Tỉnh ủy triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, tập trung thi công các dự án, công trình chuyên tiếp từ năm trước và khẩn trương hoàn thiện các thủ tục để tổ chức khởi công các dự án mới theo Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao; tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án của tỉnh, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ tái định cư, kiểm soát giá nguyên vật liệu; bảo đảm vật liệu san lấp cho các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

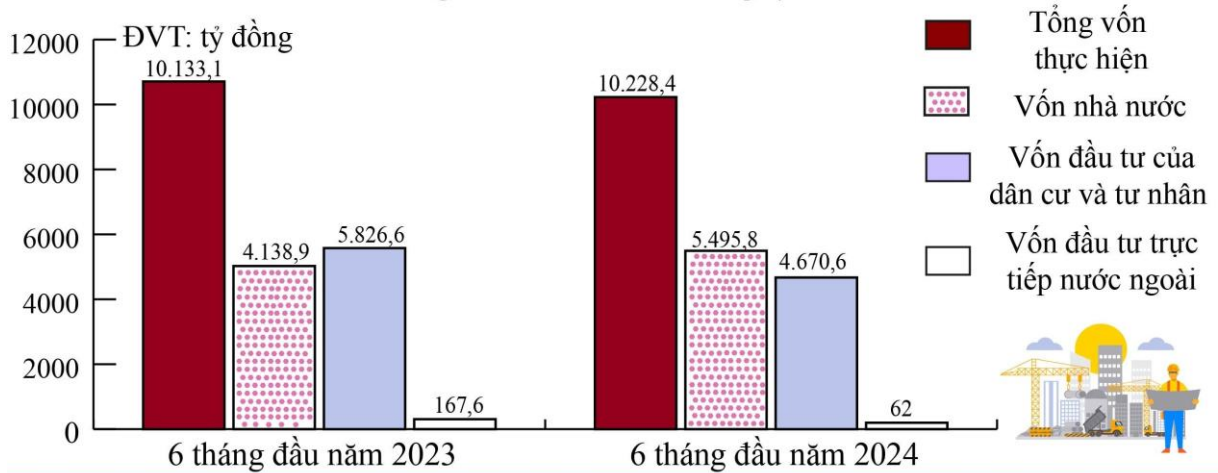
2.1. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm 2024 ước tính 10.228,4 tỷ đồng, đạt 41,7% kế hoạch năm và tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước, phân theo nguồn vốn: Vốn Nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 5.495,8 tỷ đồng, tăng 32,8%⁽⁹⁾; vốn đầu tư ngoài Nhà nước 4.670,6 tỷ đồng, giảm 19,8%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 62 tỷ đồng, giảm 63%.

Dự tính 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh không có dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới. Lũy kế dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh đến nay là 38 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 1.565 triệu USD.

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành

Ước tính 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



⁹ Trong đó: Vốn trung ương quản lý 3.678,1 tỷ đồng, tăng 70,5% so cùng kỳ năm trước, riêng khối lượng thực hiện của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa phận tỉnh Phú Yên trong 6 tháng đầu năm 2024 ước khoảng 3.575,3 tỷ đồng; vốn địa phương quản lý 1.817,7 tỷ đồng, giảm 8,3%.

Hiện nay chủ yếu thi công các công trình chuyên tiếp từ năm trước, nhiều dự án, công trình vướng đền bù giải phóng mặt bằng, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 giảm so với năm 2023; bên cạnh đó thị trường tiêu thụ giảm nên nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tái đầu tư sản xuất kinh doanh; khu vực dân cư đa số là đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở và đầu tư sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh cá thể; các doanh nghiệp FDI chủ yếu là đầu tư mua sắm tài sản cố định, bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, không có công trình vốn đầu tư nước ngoài khởi công mới nên vốn đầu tư thực hiện giảm so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý trong tháng 6/2024 ước thực hiện 294 tỷ đồng, đạt 7,2% kế hoạch năm, tăng 12,1% so với tháng trước, giảm 12,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện 1.441,5 tỷ đồng, bằng 35,4% kế hoạch năm, giảm 17,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn NSNN cấp tỉnh 788,1 tỷ đồng, giảm 35,1%; vốn NSNN cấp huyện 647,8 tỷ đồng, tăng 21,7%; vốn NSNN cấp xã 5,6 tỷ đồng, tăng 3,8%.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý còn thấp so với kế hoạch, tính đến hết ngày 15/6/2024 đã giải ngân 627,66 tỷ đồng, bằng 13,88% kế hoạch vốn tỉnh giao và bằng 13,94% kế hoạch vốn trung ương giao (*bao gồm cả vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024*), trong đó, vốn nước ngoài (ODA) chưa giải ngân.

2.2. Xây dựng

Giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2024 (theo giá so sánh 2010) ước tính 4.533,2 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công trình nhà ở 1.373 tỷ đồng, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước; công trình nhà không ở 597,7 tỷ đồng, giảm 19,1%; công trình kỹ thuật dân dụng 2.414,1 tỷ đồng, tăng 44,5%; hoạt động xây dựng chuyên dụng 148,4 tỷ đồng, giảm 17,3%.

Giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn theo giá so sánh 2010

Ước tính 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



3. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

3.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước

- Tính đến ngày 16/6/2024: Tổng thu NSNN trên địa bàn là 2.324 tỷ đồng đạt 43,1% dự toán trung ương giao và HĐND tỉnh quyết định, bằng 148,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thu nội địa là 2.287 tỷ đồng, đạt 42,9% dự

toán trung ương giao và HĐND tỉnh quyết định, bằng 149,1% so với kết quả thực hiện cùng kỳ năm trước. Các khoản thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết là 1.384 tỷ đồng, đạt 49,5% dự toán trung ương giao và HĐND tỉnh quyết định, bằng 109,5% so với cùng kỳ năm trước. Thuế xuất nhập khẩu là 37 tỷ đồng, đạt 63,7% dự toán trung ương giao và dự toán HĐND tỉnh quyết định, bằng 138,4% so với cùng kỳ năm trước;

Tổng chi NSDP là 5.119 tỷ đồng, đạt 46,2% dự toán trung ương giao và HĐND tỉnh quyết định (trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.475 tỷ đồng, chi thường xuyên 2.643 tỷ đồng).



- Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024, tổng thu NSNN trên địa bàn là 2.750 tỷ đồng, bằng 51% dự toán TW và tỉnh giao, tăng 57,8% so với cùng kỳ năm trước nhờ tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiếp tục hoạt động ổn định và một số nguồn thu quan trọng đạt cao; trong đó, các khoản thu nội địa ước đạt 2.710 tỷ đồng, đạt 50,8% dự toán TW và tỉnh giao, tăng 58,2% so với cùng kỳ năm trước; thu nội địa trừ thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết đạt 1.552 tỷ đồng, bằng 55,5% dự toán TW và tỉnh giao, tăng 9,5% so cùng kỳ năm trước. Có 13/16 khoản thu nội địa đạt và vượt tiến độ dự toán tỉnh giao⁽¹⁰⁾; có 03/16 khoản thu chưa đạt tiến độ dự toán tỉnh giao⁽¹¹⁾. Có 05/09 địa phương ước thực hiện thu NSNN đạt tiến độ dự toán tỉnh giao (đạt 50% trở lên);

Tổng chi NSDP ước thực hiện 5.567 tỷ đồng, đạt 50,2% dự toán TW và tỉnh giao; trong đó, chi thường xuyên là 3.141 tỷ đồng. Các lĩnh vực chi cơ bản đều đảm bảo theo tiến độ dự toán được giao, đáp ứng được nhiệm vụ đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

3.2. Hoạt động ngân hàng

Kết quả tính đến 31/5/2024 như sau: Tổng vốn huy động 43.181 tỷ đồng, tăng 3,3% so với cuối năm 2023; tổng dư nợ cho vay đạt 51.003 tỷ đồng, tăng 2,4% so với cuối năm 2023; nợ xấu ước đến cuối tháng 6/2024 chiếm tỷ lệ 0,97% trên tổng dư nợ.

¹⁰ 13 khoản thu dự kiến đạt tiến độ tỉnh giao (50% trở lên): DNNNDP 51,3%; DN có vốn ĐTNN 56,8%; Thuế CTN dịch vụ NQD 53,3%; Thuế TNCN 60,8%; Thuế BVMT 56,1%; Lệ phí trước bạ 50%; Phí và lệ phí 62,5%; Tiền thuê đất 62,5%; Xổ số kiến thiết 100,9%; Tiền cấp quyền KTKS 62,9%; Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế 51,4%; Thu khác 77%; Thu từ quỹ đất công và hoa lợi khác 80%.

¹¹ 03 khoản thu dự kiến chưa đạt tiến độ tỉnh giao: DNNNTW 48,8%; Thuế SD đất phi NN 45,5%; Thu tiền sử dụng đất 43%.

Ước tính đến 30/6/2024, tổng vốn huy động đạt 45.767 tỷ đồng, tăng 9,4% so với cuối năm 2023; tổng dư nợ cho vay trên địa bàn đạt 51.918 tỷ đồng, tăng 4,2% so với cuối năm 2023; nợ xấu ước đến cuối tháng 6/2024 chiếm tỷ lệ 0,84% trên tổng dư nợ.



3.3. Hoạt động bảo hiểm

6 tháng đầu năm 2024, số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) ước tính 73.627 người, chiếm tỷ lệ 16,61% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia hoạt động kinh tế, tăng 768 người (tăng 1,1%) so với cùng kỳ năm trước.

Số người tham gia BHYT là 822.583 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 93,6% dân số toàn tỉnh, tăng 13.357 người (tăng 1,7%) so với cùng kỳ năm trước.

Số người tham gia BHTN là 54.411 người, tăng 2.049 người (tăng 3,9%).

III. ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, Y TẾ, VĂN HÓA VÀ CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI KHÁC

1. Dân số, lao động, đời sống dân cư và an sinh xã hội

1.1. Dân số, lao động

Ước tính dân số trung bình năm 2024 tỉnh Phú Yên là 878.764 người, trong đó: Nữ 435.714 người. Dân số khu vực thành thị 287.427 người, chiếm 32,7%; dân số khu vực nông thôn 591.337 người, chiếm 67,3%.

Lực lượng lao động toàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2024 ước tính là 476.056 người; trong đó, nữ là 222.438 người. Lực lượng lao động khu vực thành thị là 135.858 người và khu vực nông thôn là 340.198 người.

Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 463.967 người, chiếm 52,8% trên tổng số dân trung bình của tỉnh. Trong đó, lao động đang làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 172.642 người, chiếm 37,21% số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm; ngành công nghiệp và xây dựng là 119.657 người, chiếm 25,79%; ngành dịch vụ là 171.668 người, chiếm 37%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi 6 tháng đầu năm 2024 ước khoảng 2,53%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 2,73%, nông thôn là 2,46%.

1.2. Chính sách an sinh xã hội

Trong tháng 6, Trung tâm Dịch vụ việc làm đã Tư vấn nghề - việc làm 2.251 lượt người; Giới thiệu việc làm cho 829 lao động đến các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh thuộc các thành phần kinh tế. Trong tháng đã tiếp nhận 820 hồ sơ hưởng BHTN và có quyết định hưởng BHTN cho 795 trường hợp hưởng trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp. Hỗ trợ đào tạo nghề cho 23 người.

Cập nhật danh sách đối tượng được nhận Học bổng Quỹ Thiện Tâm cho học sinh, sinh viên giỏi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh trên Hệ thống điều hành của Quỹ Thiện Tâm, tính đến thời điểm hiện tại có 76 trẻ được xét nhận học bổng.

Phối hợp với Cục dự trữ Nhà nước khu vực nam trung bộ tiếp nhận tổ chức bàn giao 106.035 kg gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho huyện Sông Hình, Sơn Hòa, Tuy An và Đồng Xuân theo Quyết định 820/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh.

Thực hiện các chính sách giảm nghèo thường xuyên: trong 6 tháng đầu năm 2024, đã cấp 12.088 thẻ BHYT cho người nghèo; 29.367 thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo. Ngoài ra cấp 46.311 thẻ BHYT cho người thuộc hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình; 43.157 thẻ BHYT người dân tộc thiểu số sống vùng khó khăn và người dân đang sinh sống vùng đặc biệt khó khăn; 7.243 thẻ BHYT người dân tộc thiểu số thoát nghèo theo nghị định số 75/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện hỗ trợ vốn vay phát triển sản xuất cho hộ nghèo với 600 hộ, số tiền 30 tỷ; hộ cận nghèo 2.180 hộ, số tiền 108 tỷ; hộ mới thoát nghèo 2.920 hộ, số tiền 161 tỷ. Hỗ trợ cho vay cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt 3.825 người, số tiền 67 tỷ đã tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo được vay vốn sản xuất, tăng thu nhập và giúp cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được an tâm, ổn định trong học tập.

2. Giáo dục

Tổ chức an toàn, đúng quy chế các kỳ thi cấp quốc gia, cấp tỉnh. Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2023-2024, tỉnh Phú Yên đạt 34 giải/64 học sinh dự thi (nhiều nhất từ trước tới nay cả về số lượng và chất lượng giải). Ngoài ra, học sinh các trường đã đạt nhiều thành tích tại các kỳ thi cấp khu vực, các cuộc thi tuyên truyền do các cấp tổ chức⁽¹²⁾.

Quy mô trường, lớp, học sinh cơ bản không thay đổi nhiều so với cuối năm học trước, toàn tỉnh có 357 trường mầm non và phổ thông (giảm 02 trường so cùng kỳ năm học trước) với 194.328 học sinh; 120 cơ sở giáo dục thường xuyên; 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 03 cơ sở giáo dục đại học.

Tính đến tháng 6/2024, trường đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh có 124/357 trường (đạt tỷ lệ 34,7%).

3. Y tế (tính đến ngày 18/6/2024)

Trong tháng, sốt xuất huyết phát hiện 8 ổ dịch, 125 ca mắc, không tử vong; so với cùng kỳ giảm 3 ổ dịch, số mắc tăng 1,6%. Lũy kế có 43 ổ dịch, 856 ca mắc sốt xuất huyết, không tử vong; so với cùng kỳ tăng 2 ổ dịch, số mắc tăng 17,1%, tử vong giảm 2 ca.

Bệnh tay chân miệng phát hiện 26 ca mắc, không tử vong; so với cùng kỳ số mắc tăng 22 ca. Lũy kế có 122 ca mắc, không tử vong; so với cùng kỳ số mắc tăng 109 ca.

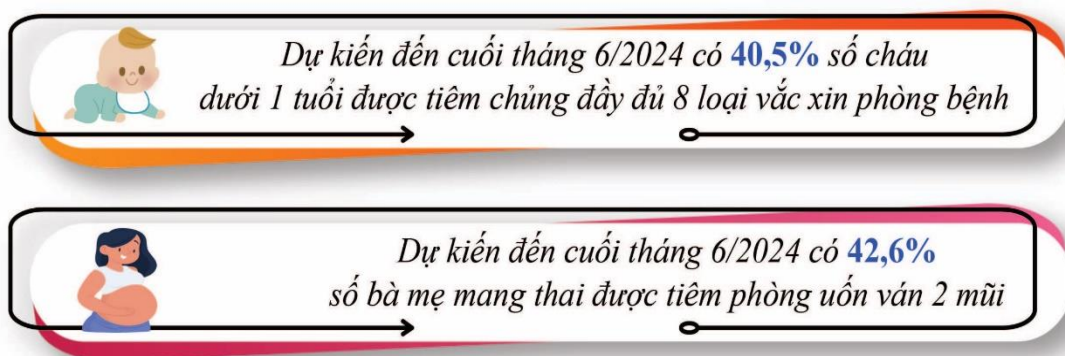
¹² Cuộc thi KHKT toàn quốc năm học 2023-2024, Phú Yên có 2 dự án tham gia dự thi đạt 01 giải Ba và 01 giải Tư; tham dự Kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 lần thứ XXVIII năm 2024 tại thành phố Vũng Tàu, Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh đạt được 44 huy chương/54 thí sinh dự thi xếp vị thứ 22/80 đoàn dự thi.

Sốt rét không phát hiện ca mắc. Lũy kế có 1 ca mắc, SRAT 0, tử vong 0; so với cùng kỳ số mắc giảm 2 ca.



Chương trình tiêm chủng mở rộng, dự kiến đến cuối tháng 6/2024 đạt 40,5% số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin phòng bệnh; số bà mẹ mang thai được tiêm phòng uốn ván 2 mũi đạt tỷ lệ 42,6%.

Chương trình tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh



Tháng 6/2024, đã phát hiện mới 2 trường hợp nhiễm HIV(+), 1 trường hợp chuyển AIDS và 1 trường hợp tử vong. Lũy tích có 994 ca nhiễm HIV (trong đó 329 bệnh nhân AIDS, 229 bệnh nhân tử vong)

4. Hoạt động văn hóa, thể thao

4.1. Hoạt động văn hóa

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được tổ chức sôi nổi, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, nhất là tổ chức các hoạt động mừng Đảng - mừng Xuân phục vụ Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 (Liên hoan Giai điệu mùa xuân, chương trình nghệ thuật “Mừng Đảng – Mừng Xuân” năm 2024; biểu diễn nghệ thuật truyền thống Bài Chòi; tổ chức biểu diễn văn nghệ với chủ đề “Khúc Ca Xuân”; Giới thiệu “Âm thực truyền thống ngày Tết ở Phú Yên”; chiếu phim lưu động;...), kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Tuần Văn hóa - Du lịch Phú Yên năm 2024 với chủ đề “Về miền di sản”, Ngày tái lập tỉnh Phú Yên,...

4.2. Thể dục - Thể thao

Phối hợp tổ chức thành công Giải vô địch quốc gia Marathon và cự ly dài Báo Tiền phong lần thứ 65, tạo hiệu ứng mạnh mẽ trên các phương tiện thông tin, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng vận động viên, người dân, du khách.

Thể thao quần chúng: Tổ chức các giải thể thao tỉnh Phú Yên: Giải vô địch cờ tướng, giải vô địch bida, giải chinh phục đỉnh núi Đá Bia, giải vô địch cầu lông.

Thể thao thành tích cao: Tham gia thi đấu 02 giải quốc tế, 02 giải miền Trung - Tây Nguyên và 11 giải quốc gia (Bóng đá U19, Bóng đá U17, Marathon và cự ly dài giải Báo Tiền phong lần thứ 65, Boxing, Vovinam, trẻ Bóng chuyên Bãi biển, Bóng chuyên Bãi biển, Cờ Vua, Aerobic, Võ Cổ truyền, Karate) đạt 41 huy chương các loại (05 vàng, 15 bạc và 21 đồng).

5. Tai nạn giao thông

Theo số liệu thống kê, tai nạn giao thông trong tháng 6/2024 giảm số vụ, số người chết và số người bị thương so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Từ ngày 15/5/2024 đến 14/6/2024, toàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông, giảm 6 vụ; làm chết 9 người, giảm 6 người; bị thương 9 người, giảm 5 người so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 398,6 triệu đồng. Trong tháng chỉ xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh

Từ ngày 15/5/2024 - 14/6/2024 so với cùng kỳ năm trước



Lũy kế từ 15/12/2023 đến 14/6/2024, toàn tỉnh đã xảy ra 132 vụ tai nạn giao thông, giảm 1 vụ; làm chết 77 người, giảm 5 người; bị thương 92 người, giảm 10 người so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 2401,6 triệu đồng. Trong đó, tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 129 vụ, giảm 1 vụ; làm chết 73 người, giảm 6 người; bị thương 92 người, giảm 10 người bị thương so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 2385,6 triệu đồng. Tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 3 vụ, làm chết 4 người, không có người bị thương so với cùng kỳ năm trước bằng số vụ, tăng 1 người chết và bằng số người bị thương; thiệt hại tài sản 16 triệu đồng.

6. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Từ ngày 15/5/2024 đến 14/6/2024 không xảy ra cháy, nổ. Lũy kế đến 14/6/2024 toàn tỉnh xảy ra 9 vụ cháy, thiệt hại khoảng 24,4 ha mía, 255 m² nhà xưởng và 9,22 ha rẫy keo.

Từ ngày 18/5/2024 đến ngày 17/6/2024 các lực lượng chức năng đã phát hiện 5 vụ vi phạm môi trường, lập biên bản xử lý vi phạm 3 vụ, phạt tiền 39,6 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước giảm 14 vụ vi phạm đã phát hiện, giảm 7 vụ vi phạm đã xử lý, tăng 30,85 triệu đồng số tiền xử phạt. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh phát hiện 69 vụ vi phạm môi trường, lập biên bản xử lý vi phạm 35 vụ, phạt tiền 3.755,58 triệu đồng. Lũy kế so với cùng kỳ giảm 15 vụ vi phạm đã phát hiện, giảm 7 vụ vi phạm đã xử lý, tăng 3.685,83 triệu đồng số tiền xử phạt.

Khái quát lại, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và đạt được một số kết quả tích cực như: Năng suất lúa vụ đông xuân đạt 77,1 tạ/ha, cao nhất trong 3 năm (2022-2024), sản lượng khai thác

gỗ rừng trồng gấp 2,7 lần; sản lượng khai thác thủy sản tăng 3,7%, nuôi trồng tăng 5,6%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,7%; giá trị sản xuất xây dựng (theo giá so sánh 2010) tăng 13,6%; tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 10,2%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 11,1%; tổng doanh thu ngành vận tải tăng 10,2%; tổng lượt khách du lịch đến Phú Yên tăng 28,7%...; các chế độ chính sách đối với người có công cách mạng và bảo trợ xã hội được đảm bảo; thị trường tiền tệ trên địa bàn ổn định; tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh giảm cả 03 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế phục hồi còn chậm, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu tăng so cùng kỳ nhưng còn thấp; một số chỉ tiêu giảm như: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tính từ đầu năm đến 25/6/2024 giảm 14,6%; vốn đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp thành lập mới bình quân 01 doanh nghiệp giảm 70%; tình hình giải ngân vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý còn thấp so với kế hoạch, tính đến hết ngày 15/6/2024 đã giải ngân 627,66 tỷ đồng, bằng 13,88% kế hoạch vốn tỉnh giao và bằng 13,94% kế hoạch vốn trung ương giao (*bao gồm cả vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024*). Thị trường bất động sản dự kiến còn khó khăn, không thuận lợi cho thu tiền sử dụng đất. Số ca mắc tay chân miệng, sốt xuất huyết tăng so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo 6 tháng cuối năm 2024, với tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm 6,25% thì 6 tháng cuối năm GRDP phải tăng 8,6% mới đạt kế hoạch tăng trưởng GRDP cả năm 2024 so với năm trước là 7,5% là một thách thức lớn, cần sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân. Các ngành, các cấp tăng cường dự báo, chủ động điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình mới, kịp thời ứng phó với các tình huống phát sinh, đồng thời triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Một là, tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã giao theo Chương trình hành động số 01/CTr-UBND, 02/CTr-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh; các kế hoạch, chương trình hành động của UBND tỉnh nhằm phấn đấu đạt mức cao các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2024

- Hai là, thường xuyên theo dõi tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các, doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Chú trọng phát triển mạnh ngành thương mại dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch; xây dựng các sản phẩm dịch vụ du lịch có tiềm năng và lợi thế như du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

- Ba là, tập trung chỉ đạo sản xuất hiệu quả lúa vụ hè thu, vụ mùa. Triển khai các biện pháp phòng chống hạn, cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện hiệu quả kế hoạch về phòng chống, ứng phó với các sự cố thiên tai, phòng chống sạt lở bờ sông, biển trong mùa mưa bão... thực hiện tốt công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tạo nhiều kênh giới thiệu sản phẩm OCCOP và tiêu thụ sản phẩm.

- Bốn là, chỉ đạo quyết liệt, công tác thu ngân sách; đấu giá thành công các khu đất để đảm bảo nguồn thu theo kế hoạch, triệt để tiết kiệm chi theo quy định.

- Năm là, triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân hết vốn đầu tư công năm 2024 (nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án) đã được bố trí theo kế hoạch nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất ngành xây dựng trong 6 tháng cuối năm 2024.

- Sáu là, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời hiệu quả các chương trình, chính sách đảm bảo an sinh xã hội; chú trọng công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo bền vững. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân và phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh./.